

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HS-PT

Ngày: 13-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Thu Hà.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Đức Trường;

Bà Hoàng Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quán - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Lục Chí Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 42/2019/TLPT-HS ngày 25 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo Đào Văn T. Do có kháng cáo của bị cáo Đào Văn T và ông Nguyễn Xuân K là người có quyền lợi liên quan đến vụ án đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2019/HS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Bị cáo có kháng cáo:

Đào Văn T, sinh tháng 8/1967 tại huyện V, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Xã Đ, huyện V, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao Động tự do; trình độ văn hóa: 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đào Văn Đ và bà: Đoàn Thị Đ; vợ là Nguyễn Thị M; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

Ông Nguyễn Xuân K (tên gọi khác: Nguyễn Văn K), sinh năm 1961. Nơi cư trú: Xã Đ, huyện V, tỉnh H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo bản án dân sự sơ thẩm số 04/2015/DS-ST ngày 31/7/2015 Tòa án nhân dân huyện V và Bản án dân sự phúc thẩm số 10/2015/DS-PT ngày 23/10/2015 Tòa án nhân dân tỉnh H về việc giải quyết vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” thì bị đơn Đào Văn T phải có nghĩa vụ trả lại diện tích 265m² đất ở nông thôn cho nguyên đơn Nguyễn Văn K theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BE089438 do UBND huyện V đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn K, bà Vũ Thị T tại thửa đất số 45, tờ bản đồ giao đất số 2B, diện tích 590m², ngày 11/8/2011; địa chỉ thửa đất thuộc khu tái định cư khu công nghiệp B thuộc xã Đ, huyện V. Đồng thời buộc bị đơn Đào Văn T phải tháo dỡ, di chuyển tài sản, công trình trên đất để trả lại mặt bằng đất cho ông Nguyễn Văn K và bà Vũ Thị T quản lý, sử dụng.

Sau khi bản án dân sự phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật, bị đơn Đào Văn T không chấp hành theo bản án đã tuyên. Ngày 10/11/2015, ông Nguyễn Xuân K đã gửi đơn yêu cầu thi hành án đến Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Ngày 12/11/2015 Chi cục thi hành án dân sự huyện V đã ban hành Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 28/QĐ-CCTHA để thi hành án đối với Đào Văn T theo bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng Đào Văn T không tự nguyện thi hành án trong khi có đủ điều kiện thi hành.

Ngày 19/8/2016, Chi cục thi hành án dân sự huyện V ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-CCTHADS về hành vi “*Không thực hiện công việc phải làm hoặc không chấm dứt thực hiện công việc không được làm*” theo bản án, quyết định được quy định tại khoản 3 Điều 162 Luật thi hành án dân sự với mức xử phạt 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

Ngày 29/8/2016 Chi cục thi hành án dân sự huyện V ban hành Quyết định số 01/QĐ-CCTHADS về việc cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất đối với Đào Văn T theo Bản án số 04/2015/DS-ST ngày 31/7/2015 của TAND huyện V và Bản án số 10/2015/DS-PT ngày 23/10/2015 của TAND tỉnh H.

Ngày 25/3/2017, Hội đồng cưỡng chế thi hành án dân sự huyện V đã tiến hành cưỡng chế đối với Đào Văn T và bàn giao diện tích 265m² đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 089438 của hộ gia đình ông Nguyễn Xuân K tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 2B cho hộ ông Nguyễn Xuân K quản lý, sử dụng. Sau khi được bàn giao lại đất ông K đã tiến hành xây dựng tường rào bằng gạch bao quanh khu đất trên.

Cuối năm 2017 (*không nhớ ngày, tháng*) Đào Văn T đã mua vật liệu về tự làm các cột bê tông mỗi cột có kích thước 10cm x 10cm x 175cm rồi mang đến khu đất của gia đình ông Nguyễn Xuân K. Sau đó, Đào Văn D là em trai ruột của T đi mua dây thép gai và dây thép li mang đến vị trí khu đất nhà ông Khu.

Ngày 18/11/2017, Đào Văn T nhờ Đào Văn H là em trai ruột và Nông Văn B (đã chết ngày 03/6/2018) đến thửa đất số 45, tờ bản đồ số 2B, diện tích 265m² của

hộ gia đình ông Nguyễn Xuân K tại khu tái định cư khu công nghiệp B thuộc xã Đ , huyện V. Khi đến vị trí thửa đất Đào Văn T đã sử dụng 01 chiếc thuổng đào các hố xung quanh thửa đất, sau đó T, H, B cùng nhau mang các cột bê tông chôn xuống các hố mà Đào Văn T đã đào rồi thay nhau dùng kìm cắt dây thép li để buộc dây thép gai vào các cột bê tông. Sau khi dựng hàng rào xong Đào Văn T cắm 02 biển báo với nội dung “Cấm mua bán” nhằm mục đích không trả lại đất cho ông Nguyễn Xuân K sử dụng.

Quá trình điều tra thể hiện, ngày 22/10/2008 UBND huyện V đã ban hành Quyết định số 247/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, khu dân tái định cư và dịch vụ, khu công nghiệp B (*giai đoạn I*) huyện V . Ngày 25/5/2009 UBND huyện V ban hành Quyết định số 1623/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 247 ngày 22/10/2008 của UBND huyện V về việc thu hồi đất chi tiết của các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật khu dân tái định cư và dịch vụ, khu công nghiệp B (*giai đoạn I*) huyện V. Ngày 13/11/2008 UBND huyện V ban hành Quyết định số 276/QĐ-UBND về việc thu hồi đất chi tiết của các hộ gia đình, cá nhân để đầu tư xây dựng công trình đường nội Quốc lộ 2 vào khu công nghiệp B, xã Đ , huyện V. Căn cứ vào các Quyết định trên UBND huyện V có thu hồi đất của hộ gia đình Đào Văn T. Sau khi thu hồi Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng tỉnh Hà Giang và huyện V đã tiến hành chi trả các khoản bồi thường cho hộ gia đình Đào Văn T với số tiền là 722.349.456đ (*bảy trăm hai mươi hai triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi sáu đồng*). Tuy nhiên, Đào Văn T cho rằng nguyên nhân dẫn đến việc không chấp hành bản án là do bị cáo chưa nhận được đầy đủ tiền đền bù được thể hiện trên các tài liệu sau:

- Tại bảng thanh toán tiền bồi thường số 02/TTKP-BT ngày 20/10/2011 về việc đền bù thiệt hại do Nhà nước thu hồi đất, kiến trúc, hoa màu để thi công Công trình Khu công nghiệp B (*giai đoạn I*) theo Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 04/8/2011 của UBND huyện V bồi thường cho hộ gia đình Đào Văn T số tiền 91.016.750đ (*chín mươi một triệu không trăm mười sáu nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*);

- Phiếu chi ngày 06/10/2011 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh H chi tiền kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư - Khu công nghiệp (*giai đoạn I*) theo Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 của UBND tỉnh H cho Đào Văn T số tiền 44.953.568đ (*bốn mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng*);

- Phiếu chi ngày 11/10/2011 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện V thanh toán tiền theo Quyết định số 852/QĐ-UBND tỉnh H ngày 25/4/2011 cho Đào Văn T số tiền 30.107.840đ (*ba mươi triệu, một trăm linh bảy nghìn, tám trăm bốn mươi đồng*).

Ngày 10/02/2018, Đào Văn T có đơn tố cáo về việc cán bộ đền bù giải phóng mặt bằng khu công nghiệp B huyện V mạo danh chữ ký của ông rút tiền nhà nước, bản thân Đào Văn T không được nhận số tiền ở 03 phiếu chi nêu trên.

Ngày 22/3/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện V nhận được đơn tố cáo của Đào Văn T về việc cán bộ đền bù giải phóng mặt bằng khu công nghiệp B huyện V mạo danh chữ ký của Đào Văn T rút tiền nhà nước trong Bảng thanh toán bồi thường số 02 ngày 20/10/2011; Phiếu chi ngày 06/10/2011; Phiếu chi ngày 11/10/2011.

Ngày 12/6/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện V tiến hành trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang giám định đối với các phiếu chi tiền và giấy tờ tài liệu có liên quan để xác định có phải chữ ký, chữ viết của Đào Văn T hay không?

Sau khi được T báo các kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang và Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, Đào Văn T không đồng ý với nội dung kết luận và yêu cầu giám định lại đối với Bảng thanh toán tiền bồi thường số 02/TTKP-BT ngày 20/10/2011; Phiếu chi ngày 06/10/2011 và Phiếu chi ngày 11/10/2011. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện V tiếp tục trưng cầu giám định để xác định chữ ký của Đào Văn T trên các tài liệu cần giám định là thật hay giả. Do nội dung yêu cầu này không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã tách vụ việc để xem xét giải quyết riêng theo Quyết định số 53 ngày 09/8/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện V.

Đối với Đào Văn D, là người đã mua hộ dây thép gai và dây thép li cho Đào Văn T rào hàng rào quanh khu đất của hộ gia đình ông Nguyễn Xuân K. Quá trình bị cáo T rào D không tham gia, không bàn bạc hay thống nhất với bị cáo T nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xem xét, xử lý.

Đối với Đào Văn H, là người đã được bị cáo T nhờ hộ rào hàng rào xung quanh khu đất của hộ gia đình ông Nguyễn Xuân K nhưng không biết T rào như vậy để làm gì, do vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xem xét xử lý.

Về phần dân sự: Ông Nguyễn Xuân K yêu cầu bị cáo Đào Văn T phải bồi thường thiệt hại số tiền: 425.000.000đ (*bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng*).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 42/2019/HS-ST ngày 16/10/2019, Tòa án nhân dân huyện V đã xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Đào Văn T phạm tội “*Không chấp hành án*”
- Căn cứ Điều 304; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 7; Điều 135; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.
- Xử phạt: Bị cáo Đào Văn T 12 (*mười hai*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

- Trách nhiệm dân sự: Bác yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của ông Nguyễn Xuân K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần vật chứng, án phí và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 24/10/2019, bị cáo Đào Văn T có đơn kháng cáo vì bản án cấp sơ thẩm xét xử không đúng.

Lý do kháng cáo: UBND huyện V thu hồi đất của bị cáo chưa trả đủ tiền. Cán bộ giả mạo chữ ký để lấy tiền của bị cáo, chữ ký giả mạo đó đã được Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận.

Ngày 29/10/2019, ông Nguyễn Xuân K kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị cáo Đào Văn T phải bồi thường cho ông theo khoản 2 Điều 589 Bộ luật dân sự, kể từ ngày 11/8/2011 với số tiền mỗi tháng là 10.000.000đ/1 tháng x 96 tháng = 960.000.000đ (*chín trăm sáu mươi triệu đồng*).

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo: Bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, nhưng mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là quá cao nên bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ông Nguyễn Xuân K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang sau khi phân tích đánh giá các tình tiết của vụ án đã nhận định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đào Văn T về tội “Không chấp hành án” là đúng người, đúng tội, không oan sai. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã không áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “đã khắc phục hậu quả” và không so sánh Điều 304 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 380 Bộ luật Hình sự năm 2015 để áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo là thiếu sót nên mức án 01 năm tù Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là có phần nghiêm khắc. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 355, Điều 357 Bộ luật Hình sự, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2019/HS-ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện V.

Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Xuân K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, yêu cầu bị cáo Đào Văn T phải bồi thường cho ông số tiền 10.000.000đ/1 tháng x 96 tháng = 960.000.000đ (*chín trăm sáu mươi triệu đồng*). Tại phiên tòa phúc thẩm ông K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho thiệt hại của ông trên thực tế nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông K.

Trong phần tranh luận bị cáo Đào Văn T và người có quyền lợi liên quan - ông Nguyễn Xuân K không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2]. Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Đào Văn T và ông Nguyễn Xuân K có đơn kháng cáo trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo và ông K là hợp pháp.

[3]. Về tội danh và điều luật áp dụng: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện bị cáo Đào Văn T là người có nghĩa vụ phải thi hành Bản án sơ thẩm số 04/2015/DS-ST ngày 31/7/2015 của TAND huyện V và Bản án phúc thẩm số 10/2015/DS-PT ngày 23/10/2015 của TAND tỉnh H.

[4]. Trong khi có đủ điều kiện thi hành án nhưng Đào Văn T không chấp hành bàn giao tài sản là diện tích 265m² đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Xuân K theo Bản án đã có hiệu lực pháp luật.

[5]. Sau khi bị cưỡng chế thi hành án, ông Nguyễn Xuân K được bàn giao lại đất đã tiến hành xây dựng tường rào bằng gạch bao quanh khu đất trên.

[6]. Cuối năm 2017, Đào Văn T đã mua vật liệu về tự làm các cột bê tông mỗi cột có kích thước 10cm x 10cm x 175cm rồi mang đến khu đất của gia đình ông Nguyễn Xuân K chôn xuống các hố đã đào từ trước; dùng kìm cắt dây thép li để buộc dây thép gai vào các cột bê tông, rồi cắm 02 biển báo vào hàng rào với nội dung “Cấm mua bán” nhằm mục đích không trả lại đất cho ông Nguyễn Xuân K sử dụng.

[7]. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử bị cáo Đào Văn T phạm tội: “Không chấp hành án” theo quy định tại Điều 304 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[8]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đào Văn T: Trong vụ án này, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi không chấp hành án bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án đã xâm phạm hoạt động tư pháp, là khách thể được pháp luật Hình sự Việt Nam bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[9]. Tuy nhiên, đối với tội “Không chấp hành án” tại Điều 305 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định 1 khung hình phạt, có mức phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[10]. Trong khi đó, Điều 380 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định 2 khung hình phạt, tại khoản 1 có mức phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm; khoản 2 quy định mức phạt tù từ 02 năm đến 05 năm khi thuộc một trong 03 tình tiết định khung hình phạt “*Chống lại chấp hành viên hoặc người đang thi hành công vụ (1); dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt (2); tẩu tán tài sản (3)*”.

[11]. Theo nội dung vụ án, bị cáo Đào Văn T không có một trong 03 tình tiết tăng nặng định khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 380 Bộ luật Hình sự năm 2015 được viện dẫn ở trên.

[12]. Như vậy, khoản 1 Điều 380 Bộ luật Hình sự năm 2015 có lợi hơn so với Điều 304 Bộ luật Hình sự năm 1999 cả về mức hình phạt khởi điểm và mức hình phạt tối đa nên cần áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 380 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử theo hướng có lợi cho bị cáo.

[13]. Ngoài ra, ngày 30/7/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện V ra Quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can đối với Đào Văn T về hành vi “Không chấp hành án” nhưng thực tế trước ngày khởi tố vụ án bị cáo đã tự nguyện tháo dỡ toàn bộ 09 cọc bê tông, hàng rào thép gai (theo BB sự việc ngày 31/7/2018 tại bút lục 113, 114) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 "*người phạm tội khắc phục hậu quả*" là thiếu sót.

[14]. Do áp dụng thiếu tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không vận dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo nên mức án 01 năm tù Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo Đào Văn T là có phần nghiêm khắc và việc bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[15]. Đối với nội dung kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân tốt; trước khi phạm tội chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[16]. Căn cứ theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 12/5/2018 của HĐTP - TANDTC, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo nên cần chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

[17]. Tuy nhiên, so sánh giữa 02 Bộ luật Hình sự thì khoản 5 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 có lợi hơn khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó cần áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 cho bị cáo.

[18]. Đối với kháng cáo của người có quyền lợi liên quan đến vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Xuân K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của ông là có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận cho yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại số tiền 400.000.000đ (*bốn trăm triệu đồng*) của ông K là đúng quy định của pháp luật.

[19]. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K tăng mức bồi thường, yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho ông tổng số tiền 10.000.000đ/1tháng x 96 tháng = 960.000.000đ

(chín trăm sáu mươi triệu đồng) nhưng ông cũng không cung cấp được thêm tài liệu chứng cứ gì nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận.

[20]. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang về việc áp dụng Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự để sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2019/HS-ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện V.

[21]. Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của ông Nguyễn Xuân K không được chấp nhận nên ông K phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đào Văn T; không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Xuân K là người có quyền lợi liên quan đến vụ án, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2019/HS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Căn cứ Điều 304; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 380; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Đào Văn T;

- Tuyên bố: Bị cáo Đào Văn T phạm tội “Không chấp hành án”.

- Hình phạt: Xử phạt bị cáo Đào Văn T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đào Văn T cho UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự: Bác yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của ông Nguyễn Xuân K.

- Về án phí: Bị cáo Đào Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Xuân K phải chịu 300.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hg;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Công an huyện V;
- Sở Tư pháp;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Thu Hà